

Việt Nam vốn là 1 nước nông nghiệp lạc hậu, với nông nghiệp là ngành sản xuất chiếm ưu thế. Cách đây 50 năm, tỷ lệ dân số ở nông thôn là 90% còn ngày nay tỷ lệ đó là 80%. Năm 1939 - 1940 khi đạt tới mức sản xuất cao nhất trước chiến tranh thế giới thứ 2, nền nông nghiệp VN sản

xuất sản phẩm quan trọng nhất là lúa, với sản lượng bình quân đầu người khoảng 300 kg thóc. Theo ước tính, cơ cấu tổng sản phẩm quốc nội GDP lúc đó là: nông nghiệp 70%; công nghiệp 9%, và dịch vụ là 21%. Sau hơn 50 năm sản xuất lương thực tăng 4,5 lần nhưng dân số cũng tăng gần tương ứng, kết quả là sản lượng lương thực bình quân đầu người có tăng nhưng chưa cao. Mặc dù trải qua nhiều năm chiến tranh ác liệt kéo dài, sau trên 50 năm, GDP tăng khoảng 8 lần; trong khi công nghiệp tăng khoảng 20 lần, vận tải tăng 14 lần, điều đó cũng làm thay đổi khá nhiều cơ cấu GDP: nông nghiệp là 38%, công nghiệp là 24% và dịch vụ là 36%. Hơn nữa về mặt xã hội VN cũng đạt được những thành tựu đáng kể về văn hóa, giáo dục, y tế... Tuy nhiên có một thực tế là GDP bình quân đầu người của VN còn ở mức rất thấp, bức tranh toàn cảnh kinh tế VN vẫn không thay đổi nhiều. Trước mắt phải thấy rằng nền kinh tế VN đã tụt hậu xa so với các nước trong khu vực mà cách đây trên 20 năm bắt đầu điểm xuất phát gần như nhau, khoảng cách về mức GDP bình quân đầu người so với các nước trong khu vực là rất lớn.

Khi chúng ta phân tích có tính chất phê phán tiến trình phát triển kinh tế VN, có thể nói rằng sau năm 1975 trong điều kiện cả nước độc lập thống nhất, VN đứng trước cơ hội đầy nhanh nhịp độ tăng trưởng và phát triển kinh tế. Nhưng cơ hội này đã bị bỏ lỡ do những nguyên nhân khách quan (sự lạc hậu của nền kinh tế, và hậu quả của chiến tranh kéo dài) và nhất là do sai lầm chủ quan; trong một thời gian dài VN đã xây dựng đất nước theo mô hình mang nặng tính rập khuôn và chủ quan duy ý chí. Thêm vào đó là những sai lầm trong đánh giá tình hình như đánh giá quá cao tiềm năng, đánh giá không đúng mức những khó khăn sau chiến tranh, đặc biệt không đánh giá đúng về quan hệ hợp tác quốc tế, từ đó dẫn đến những sai lầm có ý nghĩa chiến lược:

muốn đẩy nhanh công nghiệp hóa khi chưa có đủ những tiền đề, đặc biệt là chưa có tích lũy vốn từ nội bộ nền kinh tế quốc dân. Cơ chế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu bao cấp, kỳ thị kinh tế hàng hóa và cơ chế thị trường, những sai lầm thiếu sót trong công tác quản lý và điều hành nền kinh tế đã kìm hãm sự phát triển của

như không tăng, cùng với những sai lầm khác trong cơ chế quản lý kinh tế, VN ngày càng chìm sâu vào khủng hoảng nghiêm trọng. Việc leo thang giá cả, siêu lạm phát ba con số những năm 1986 - 1989 là hệ quả trực tiếp của chính sách kinh tế sai lầm về giá lương tiền năm 1985, mà sự kiện này chỉ là 1 mắt khâu trong toàn bộ cơ

chế vận hành của nền kinh tế. Cuộc khủng hoảng kinh tế xã hội có những nguyên nhân sâu xa từ những mất cân đối giữa các ngành và sai lầm chủ quan trong việc điều chỉnh cơ cấu và cơ chế quản lý kinh tế. Phương pháp kế hoạch hóa tập trung cao độ theo kiểu mệnh lệnh hành chính, nặng về phân phối hiện vật, bình quân tử ra không còn phù hợp nữa.

Chính trong hoàn cảnh cực kỳ khó khăn đó, VN đã tiến hành một cách chủ động và nhất quán công cuộc đổi mới toàn diện các mặt của đời sống kinh tế, chính trị, xã hội; đặc biệt là trong lĩnh vực kinh tế. Đổi mới kinh tế chỉ thực sự được đẩy mạnh sau khi Nghị quyết đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (1986) đã khẳng định: nền sản xuất nước ta là nền sản xuất hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước. Kinh tế quốc doanh giữ vai trò chủ đạo trên các ngành, các lĩnh vực quan trọng trong nền kinh tế quốc dân, đồng thời thực hiện chiến lược kinh tế mở hướng ra thị trường thế giới và khu vực.

Đường lối công nghiệp hóa cũng chuyển đổi từ ưu tiên phát triển công nghiệp nặng sang hướng thực hiện ba chương trình kinh tế lớn: chương trình sản xuất lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Quan điểm về công nghiệp hóa đã được đổi mới, được thể hiện rõ ràng hơn, đầy đủ hơn trong các nghị quyết hội nghị trung ương Đảng khóa VI, khóa VII và khóa VIII.

Trong sự nghiệp đổi mới nhờ tiến hành nhiều biện pháp về kinh tế, tài chính, bằng việc đổi mới cơ chế kinh tế vĩ mô như chính sách tài chính quốc gia, chính sách kinh tế vĩ mô như: thực hiện giao khoán ruộng đất sử dụng lâu dài cho các hộ nông dân - mà thực chất là chuyển quản lý sản xuất nông nghiệp từ hợp tác xã sang kinh tế hộ gia đình - mà ta đã giải phóng được sức sản xuất trong

CÔNG NGHIỆP HÓA HIỆN ĐẠI HÓA BƯỚC NỐI TIẾP SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI KINH TẾ Ở VIỆT NAM

Thạc sĩ NGÔ GIA LƯU



Ảnh Đoàn Minh Trí

lực lượng sản xuất và triệu tiêu nhiều động lực phát triển của nền kinh tế xã hội.

Theo chiến lược công nghiệp hóa sai lầm với ưu tiên phát triển công nghiệp nặng, hàng trăm công trình xây dựng với quy mô lớn và vừa đã được triển khai thực hiện, có nhiều công trình kéo dài đến 15 năm sau vẫn chưa xây dựng xong hoặc chưa phát huy tác dụng đã làm giảm hiệu quả đầu tư trong nền kinh tế và gây lãng phí về vốn.

Thời kỳ 1976 - 1980, GDP hầu

nông nghiệp tạo điều kiện cho kinh tế nông nghiệp phát triển, mở rộng quyền tự chủ kinh doanh cho các doanh nghiệp nhà nước theo các quyết định 21/HĐBT, Nghị định 50/HĐBT, Nghị định 27/HĐBT tạo điều kiện cho các doanh nghiệp nhà nước tự chủ và chủ động kinh doanh thích nghi với cơ chế thị trường, thực hiện chính sách kinh tế nhiều thành phần, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tư nhân được thành lập, tự do sản xuất kinh doanh không hạn chế về quy mô theo luật định.

Các chính sách về đổi mới cơ chế kinh tế đã tạo ra sự chuyển biến quan trọng cho việc ổn định và phát triển kinh tế, đẩy lùi được khủng hoảng và lạm phát. Hiện nay với sự giúp đỡ của IMF và WB, VN đang tiến hành biện pháp đồng bộ và đã đưa tỷ lệ lạm phát xuống còn 1 con số, coi đó là điều kiện quan trọng để chuyển biến tình hình kinh tế xã hội. Đồng thời việc thực hiện điều chỉnh và chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong những năm qua có tác động tích cực đến công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Việc khuyến khích các hộ kinh tế gia đình, tư nhân, các doanh nghiệp bỏ vốn đầu tư, thực hiện liên doanh, liên kết, chủ động huy động vốn để phát triển quy mô sản xuất, đổi mới công cụ, công nghệ, áp dụng công nghệ mới trong công cụ, công nghệ sản xuất.v.v... Công nghiệp hóa, hiện đại hóa có tác dụng rất lớn trong phát triển kinh tế xã hội.

Việc mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại, thực hiện chiến lược kinh tế "mở cửa" đã đem lại kết quả rất quan trọng. Việc đẩy mạnh xuất khẩu sang các nước kinh tế thị trường, kim ngạch xuất khẩu ngày càng tăng nhiều. Từ sau khi công bố luật đầu tư nước ngoài đến nay đã có hàng ngàn dự án đầu tư của nước ngoài được ký kết với tổng số vốn khoảng 30 tỷ USD.

Chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước là một quá trình phức tạp và lâu dài. Thành tựu đã đạt được và đáng khích lệ, tuy nhiên những thành tựu đạt được trong những năm vừa qua chưa đủ sức để giải quyết tình trạng khủng hoảng và mất cân đối nghiêm trọng của nền kinh tế đã diễn ra trong nhiều năm.

Bước vào thập kỷ 90, VN tiếp tục kiên định con đường đổi mới, phát huy những thành tựu bước đầu về cải cách kinh tế. Bên cạnh những thuận lợi ở trong và ngoài nước, đất nước cũng đang đứng trước những thử thách rất gay gắt. Sự thách thức lớn nhất hiện nay là khoảng cách về sự phát triển: cách đây 4 - 5 thập kỷ, trình độ phát triển kinh tế VN và các

nước trong khu vực Đông Nam Á không chênh lệch nhau nhiều. Trải qua nhiều năm chiến tranh sản xuất tăng chậm trong khi đó dân số tăng nhanh, đã làm cho mức GDP bình quân đầu người của VN sau 50 năm chỉ tăng có 2,5 lần. Còn các nước trong khu vực tăng khoảng 5 đến 6 lần hoặc hơn. VN hiện nay có cơ cấu GDP giống nhiều nước chậm phát triển, thua xa các nước đang phát triển và các nước phát triển khác.

Yêu cầu cấp bách lúc này là phải xây dựng được chiến lược kinh tế xã hội đúng đắn, thật sự đưa đất nước thoát khỏi khó khăn và khủng hoảng, đạt tới sự ổn định và phát triển. Để có một chiến lược có hiệu quả, cần có cơ chế đúng để huy động được tiềm năng bên trong của nền kinh tế thích ứng với môi trường quốc tế đang thay đổi nhanh chóng. VN hiện nay có khoảng 75 triệu dân và gần 40 triệu lao động, đến năm 2000 sẽ có 80 triệu dân và 45 triệu lao động. Dân số đông tạo ra thị trường nội địa lớn để phát triển; nguồn lao động dồi dào, trẻ có trình độ văn hóa nhất định với giá nhân công tương đối thấp là một lợi thế tương đối khi tham gia vào thị trường quốc tế.

VN có nguồn tài nguyên tương đối phong phú và đa dạng. Đất nông nghiệp có thể tiếp tục khai thác có hiệu quả bảo đảm được lương thực, thực phẩm, cung ứng nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và xuất khẩu. Từ chỗ hàng năm chúng ta phải nhập khẩu 0,5 triệu tấn gạo đến nay VN đã xuất khẩu được 3 triệu tấn gạo, đứng thứ 2 thế giới sau Thái Lan. Điều đó cho thấy khả năng to lớn của nền nông nghiệp nhiệt đới khi có một cơ chế, chính sách đúng đắn, khi gần phát triển nông nghiệp với phát triển nông thôn thì nhịp độ tăng trưởng nông nghiệp ngày càng cao.

VN có một số khoáng sản mang ý nghĩa chiến lược, đáp ứng nhu cầu phát triển trong thời kỳ khởi động nền kinh tế. Chúng ta đã sản xuất được dầu, sản lượng đã đạt được từ 25 - 30 triệu tấn trong kế hoạch (1991 - 1995); các loại tài nguyên khác đã bắt đầu được khai thác theo Luật đầu tư nước ngoài.

Công nghiệp chế biến cần tập trung phát triển mạnh, đặc biệt là chế biến lương thực, thực phẩm, dệt may v.v... các ngành công nghiệp điện, chế tạo cơ khí, vật liệu xây dựng, hóa chất, kết cấu, hạ tầng và các ngành dịch vụ cần được phát triển tương xứng.

Để tạo ra những xung lực đủ mạnh khơi dậy nền kinh tế VN trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Điều quan trọng là phải đẩy mạnh công nghiệp hóa hướng về xuất khẩu, coi đó là mũi nhọn của chiến

lược phát triển kinh tế. Kinh nghiệm của các nước công nghiệp hóa cho thấy nếu chỉ đơn thuần hướng nội, tập trung quá sức vào thay thế hàng nhập khẩu thì trên thực tế hiệu quả sẽ thấp, nhịp độ tăng trưởng chậm.

Việc đẩy mạnh xuất khẩu sang các nước kinh tế thị trường, đặc biệt là các nước trong khu vực sẽ góp phần thu hẹp sự thiếu hụt trong cán cân thương mại và thanh toán quốc tế; việc đẩy mạnh chiến lược kinh tế hướng ngoại sẽ giúp VN tăng nhanh tỷ lệ xuất khẩu trong GDP từ mức 18 - 20% như hiện nay lên tới 25 - 30% vào năm 2000 là khả năng hiện thực.

Chiến lược phát triển kinh tế xã hội của VN đến năm 2000 và những năm tiếp theo đạt tới mức độ nào, là thông qua quá trình tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Vậy công nghiệp hóa, hiện đại hóa là bước nối tiếp của sự nghiệp đổi mới nền kinh tế nước ta. Quá trình hình thành hệ thống quan điểm, chính sách và cơ chế đổi mới nền kinh tế nước ta trải qua nhiều giai đoạn gắn liền với những bước thăng trầm, những khó khăn tưởng chừng khó vượt qua của nền kinh tế kể từ sau ngày thống nhất đất nước. Sự chuyển đổi nền kinh tế từ cơ chế kế hoạch hóa tập trung, sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa được xác định trong nghị quyết đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII năm 1991 là một quá trình mất nhiều thời gian được sáng tỏ dần dần từ thực tiễn cuộc sống và được chính cuộc sống kiểm nghiệm. Hơn 20 năm qua, nền kinh tế nước ta chịu những cơn sốc lớn, nhưng cải cách kinh tế không bằng "biện pháp sốc" như đã xảy ra ở nhiều nước khác. Thực tiễn cho đến nay đã khẳng định rằng ổn định để phát triển và phát triển trong sự ổn định là con đường đúng đắn mà VN đang đạt được bước đầu trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng tháng 6 năm 1996 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong sự nghiệp cách mạng nước ta. Đại hội có nhiệm vụ kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết của đại hội VII, tổng kết 10 năm đổi mới. Để lựa chọn đúng những biện pháp kinh tế, tổ chức quản lý, chiến lược phát triển kinh tế xã hội, quán triệt và thực hiện đầy đủ những quan điểm, mục tiêu về công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Chúng ta sẽ tìm ra được phương hướng, nội dung, bước đi và giải pháp để phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, tạo ra được những điều kiện thuận lợi để VN phát triển nhanh và hội nhập vào nền kinh tế thế giới.